



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số: 880 / QĐ - VPCNCL ngày 15 tháng 05 năm 2023
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: Trạm kiểm định chất lượng đạn dược T264-K890/ Cục Quân khí

Laboratory: Expertis station ammunition T264-K890/ Departement of weapons and arms

Cơ quan chủ quản: Cục Quân khí - Tổng cục Kỹ thuật

Organization: Department of Weapons and arms - General Engineering Department

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

Người quản lý/
Laboratory management: Nguyễn Kim Cương

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Lê Phan	Các phép thử được công nhận Accredited tests
2.	Lương Hữu Hưng	
3.	Nguyễn Kim Cương	

Số hiệu/ Code: VILAS 695

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: 3 năm kể từ ngày ký

Địa chỉ/ Address: Đường 2/9, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Địa điểm/Location: Đường 2/9, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại/ Tel: 0976268098

E-mail: Diamond1982k24@gmail.com

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 695

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thuốc phóng keo <i>Propellant</i>	Xác định độ an định hóa học Phương pháp thử nghiệm Vi ây <i>Determination of chemical stability Vielle's method</i>	-	TQSA 417:2006 TQSA 418:2006
2.		Xác định độ an định hóa học Phương pháp thử nghiệm Áp kế <i>Determination of Chemical stability Barometric's method</i>	- Nhiệt độ thử nghiệm + Thuốc phóng Pirocxilin: $125 \pm 0,5^{\circ}\text{C}$ + Thuốc phóng Balistit: $110 \pm 0,5^{\circ}\text{C}$ - Test temperature + Propellant Pirocxilin: $125 \pm 0,5^{\circ}\text{C}$ + Propellant Balistit: $110 \pm 0,5^{\circ}\text{C}$	TCVN/QS 629:2016 TCVN/QS 630:2016
3.		Xác định độ an định hóa học Phương pháp thử nghiệm trắc quang <i>Determination of chemical stability photometric method</i>	Bước sóng thử nghiệm - Thuốc phóng Pirocxilin: bước sóng $\lambda_1 = 285 \text{ nm}; \lambda_2 = 400 \text{ nm}$ - Thuốc phóng Balistit: bước sóng $\lambda_1 = 250 \text{ nm}; \lambda_2 = 275 \text{ nm};$ $\lambda_3 = 335 \text{ nm}.$ Test wavelength - Propellant Pirocxilin: $\lambda_1 = 285 \text{ nm}; \lambda_2 = 400 \text{ nm}$ - Propellant Balistit: $\lambda_1 = 250 \text{ nm}; \lambda_2 = 275 \text{ nm};$ $\lambda_3 = 335 \text{ nm}.$	TCVN/QS 588:2011 TCVN/QS 644:2011
4.		Xác định hàm lượng Diphenylamine (DPA) <i>Determine amount of Diphenylamine</i>	Đến/to: 2 %	TCVN/QS 419:2019
5.		Xác định hàm lượng Centralite <i>Determine amount of Centralite</i>	(0,9 ~ 3) %	TCVN/QS 420:2019
6.		Xác định hàm lượng ẩm <i>Determination of humidity</i>	-	TCVN/QS 839:2013

Chú thích/ Note:

- TQSA, TCVN/QS, TQSB : Phương pháp Quân đội ban hành/Army methods.

